

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An

Ngày 30/06/2025	600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q2/25
2.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.9 -88.8%
YoY: ▼10.4 -78.2%

LN thuần Q2/25
-1.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.61 -347%
YoY: ▼3.24 -234%

LN sau thuế Q2/25
-1.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.41 -340%
YoY: ▼3.11 -221%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-6.2%
YoY: +/-▼ 15.1%

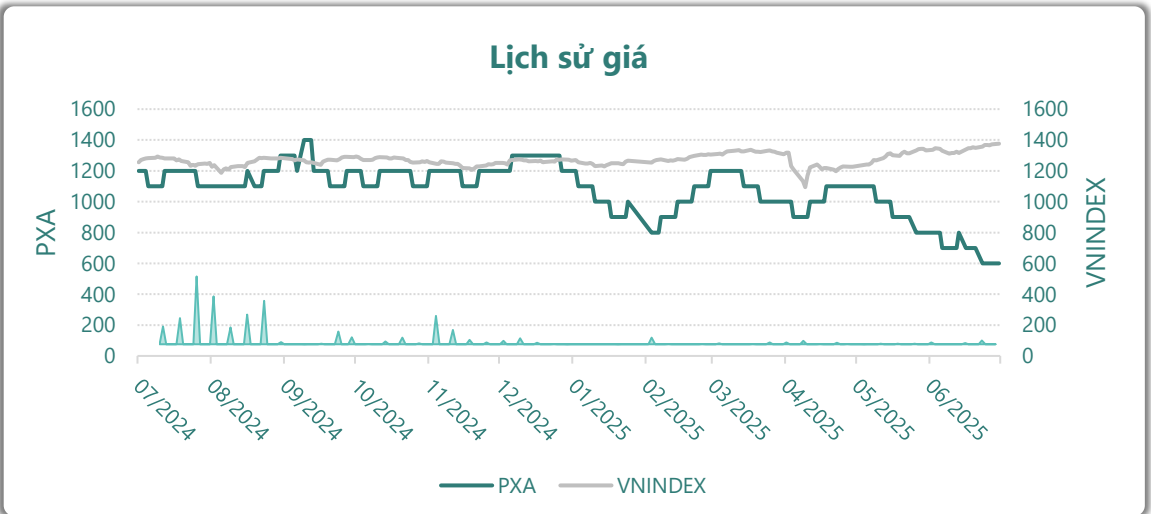
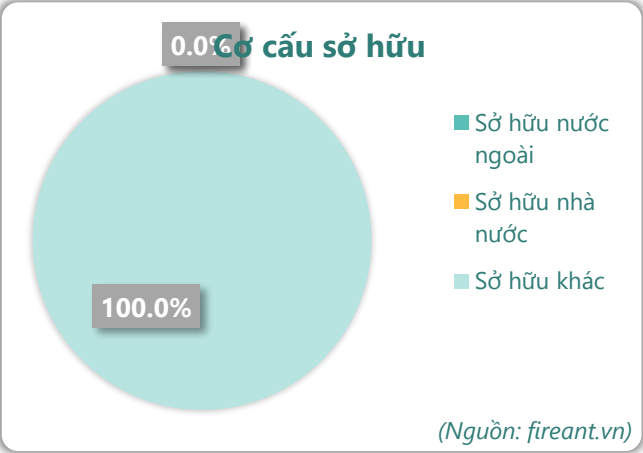
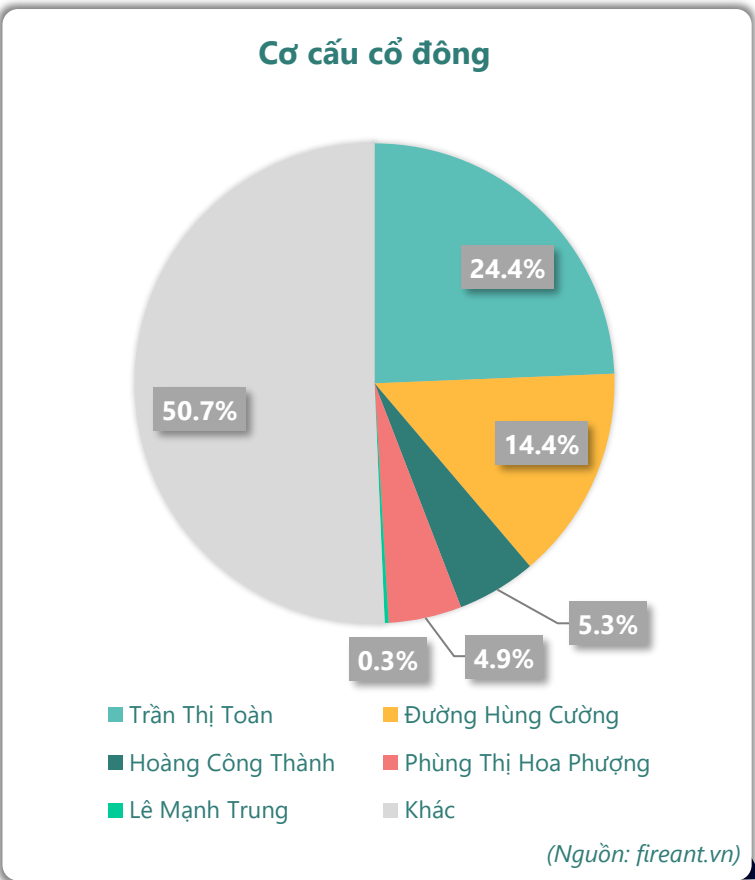
ROE (TTM) Q2/25

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,465
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.08
EPS	
P/E	

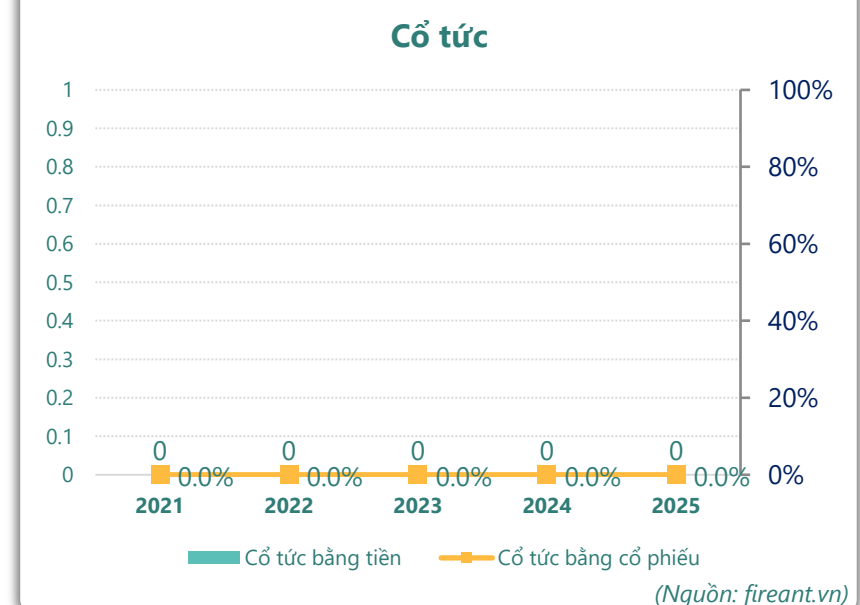
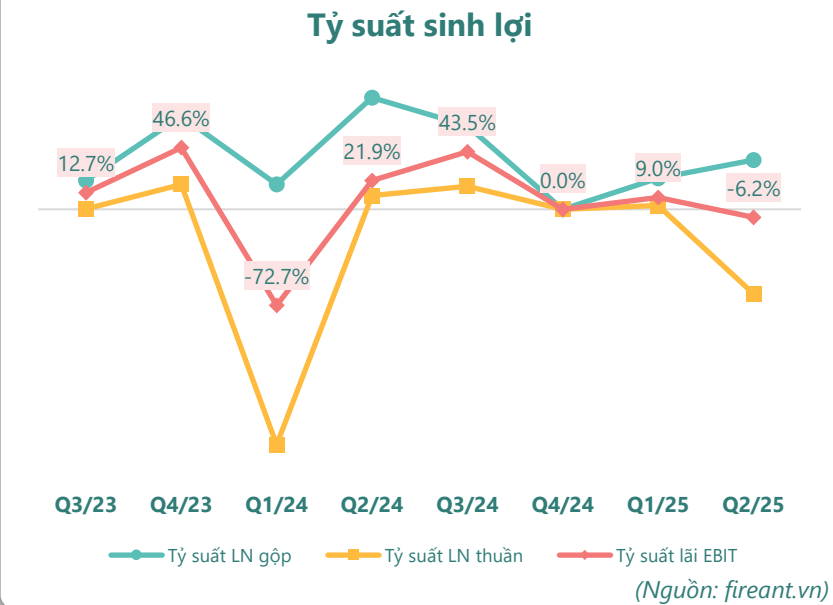
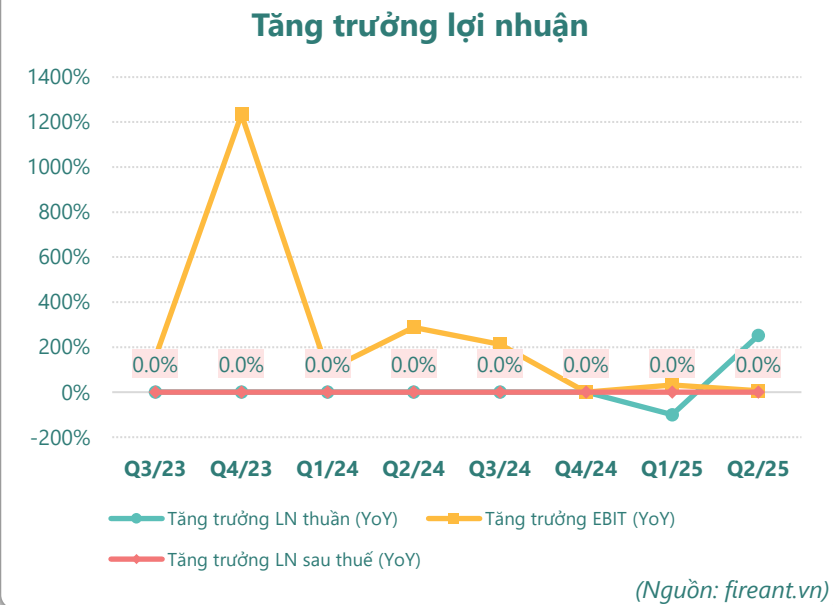
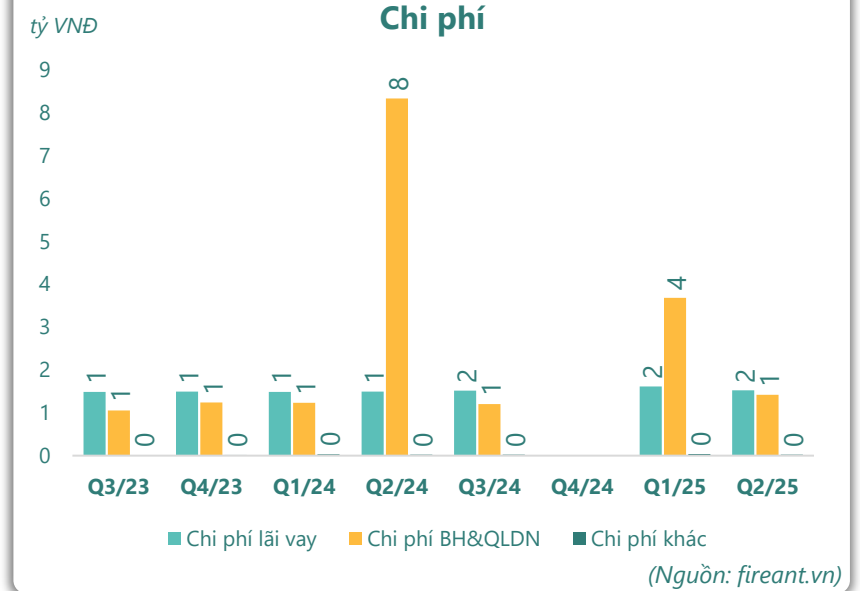
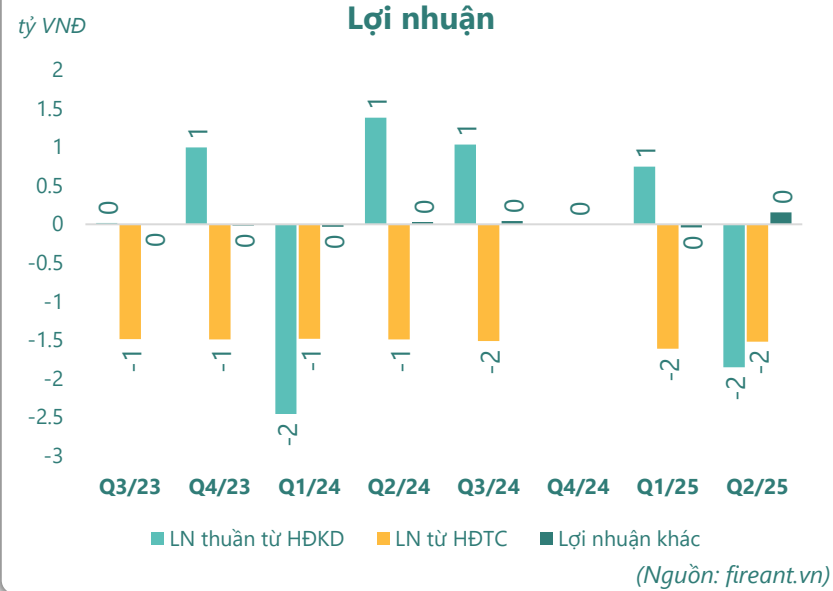
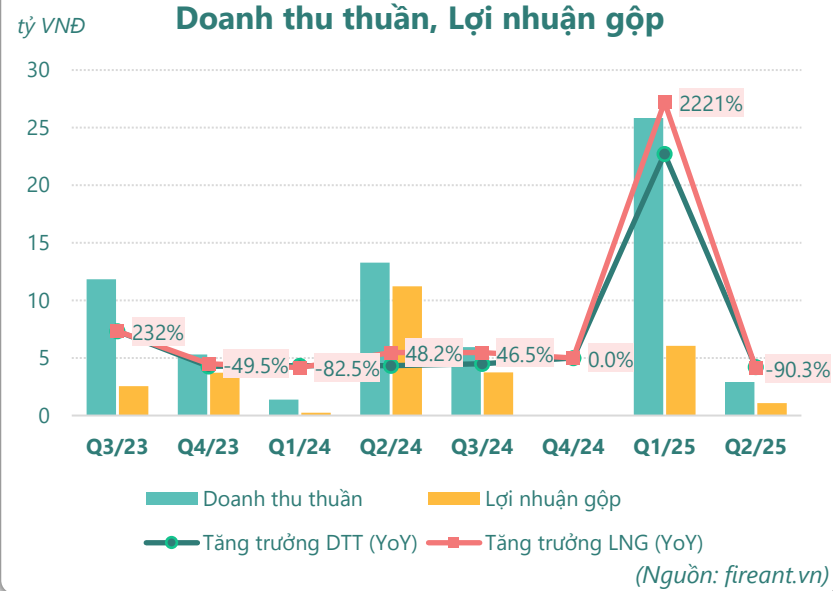
DT thuần 6T 2025
28.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.2 96.3%

LN thuần 6T 2025
-1.11
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.03 -2.9%

LN sau thuế 6T 2025
-0.99
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.09 8.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH



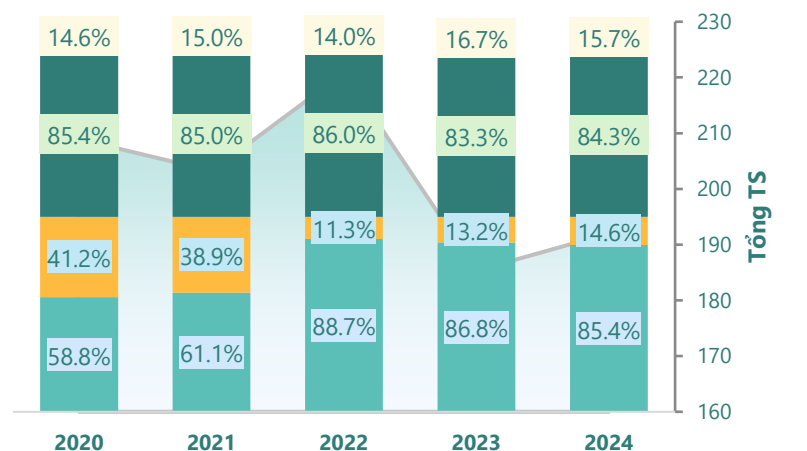


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

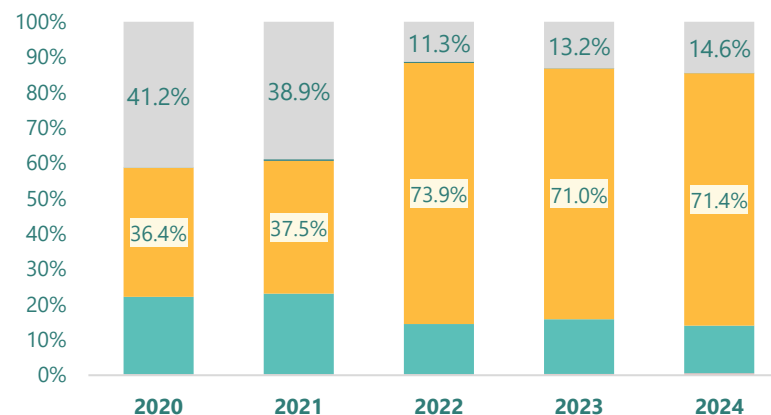
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

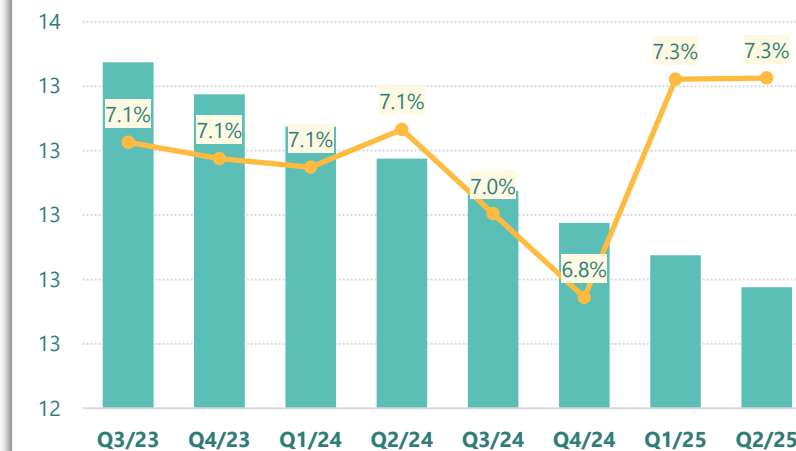


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

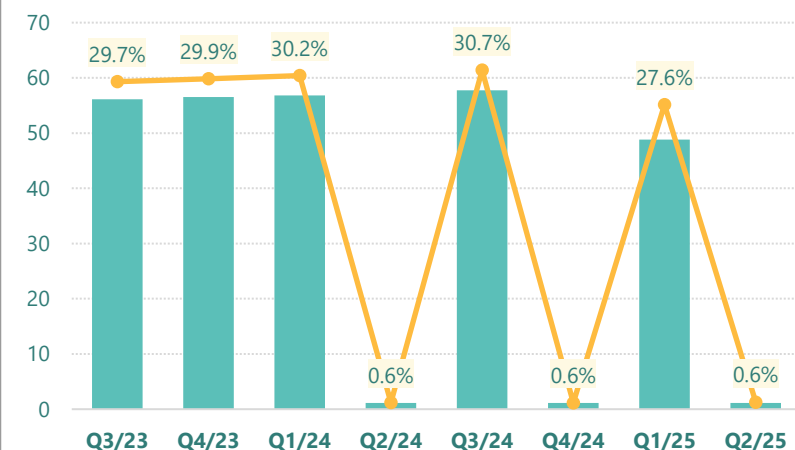


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

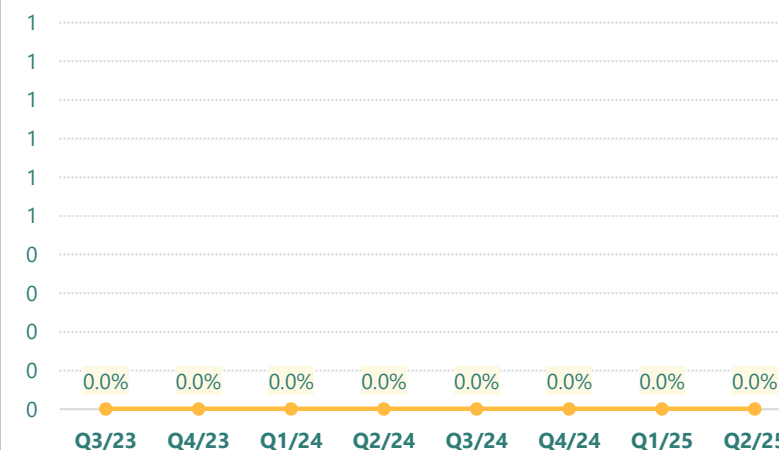


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

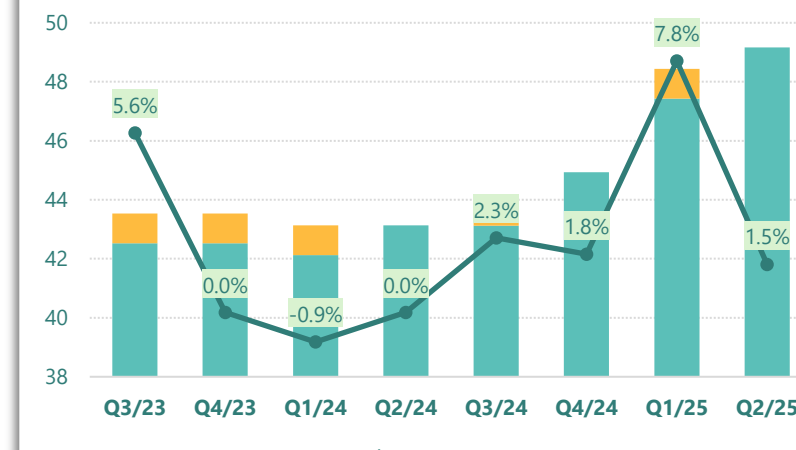


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

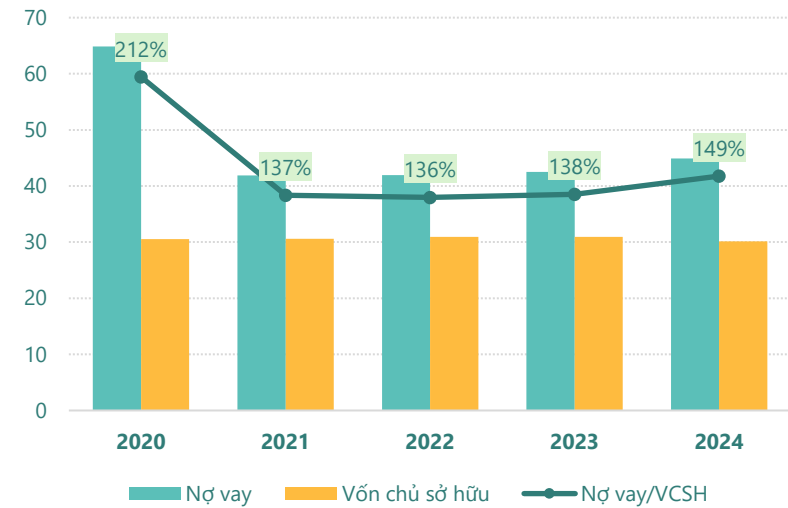
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

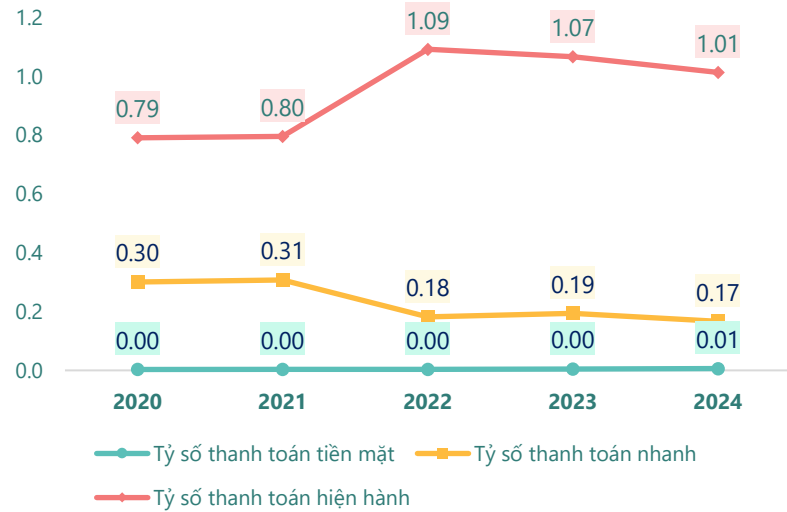
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



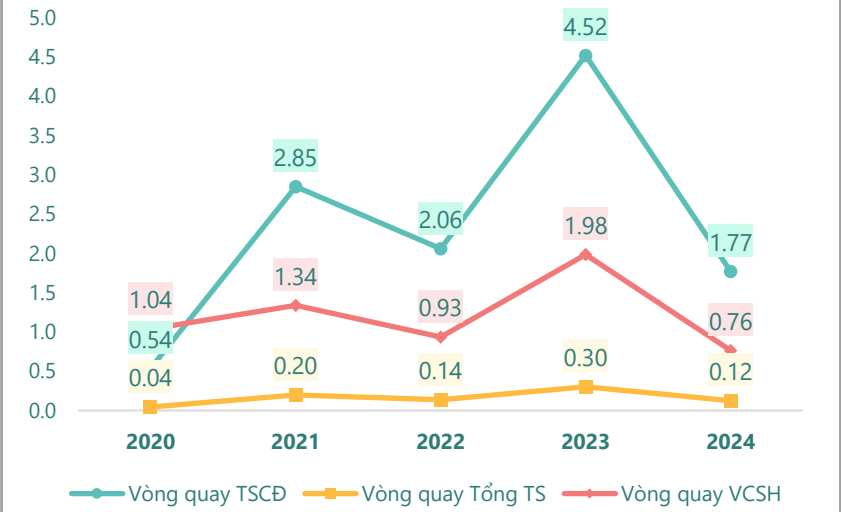
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



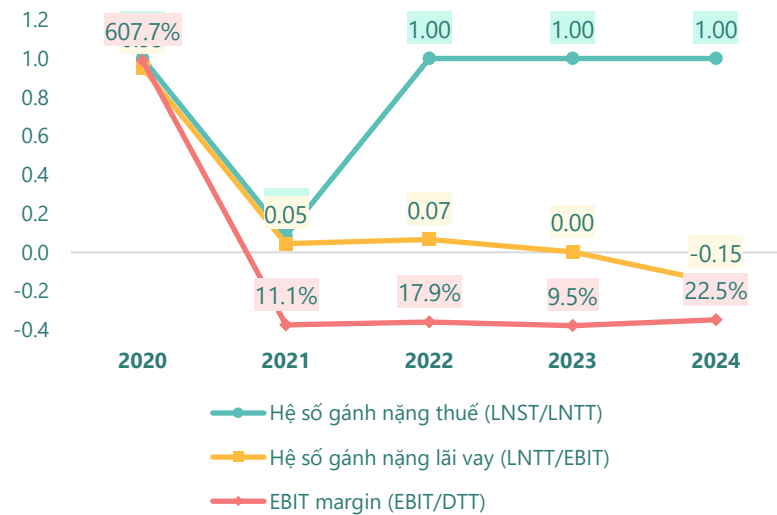
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



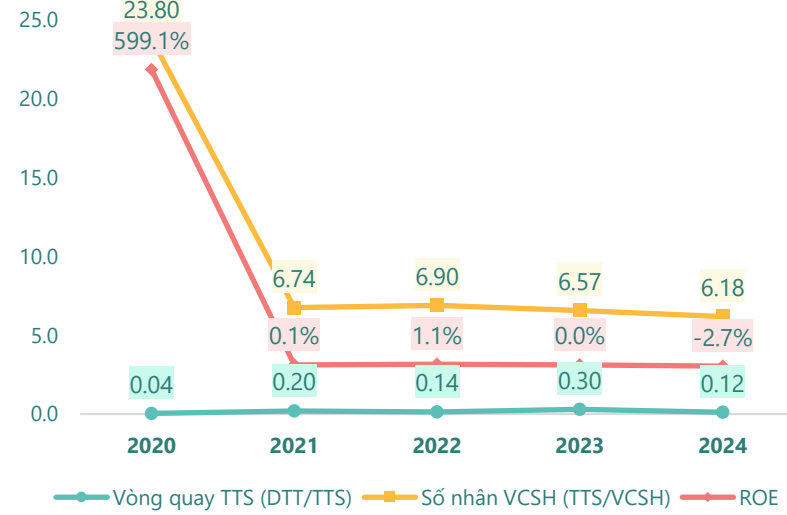
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



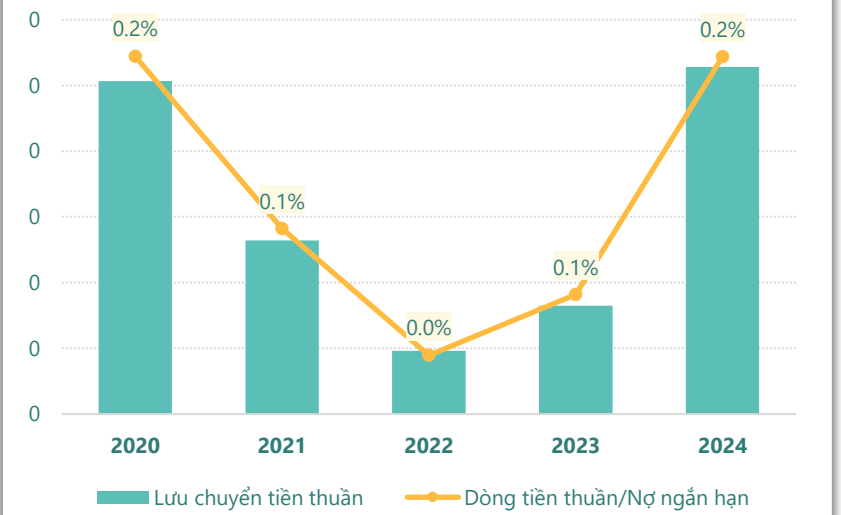
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.90	13.3	-78.2%	28.8	14.6	96.3%
Giá vốn hàng bán	1.82	2.06	-11.8%	21.6	3.18	580%
Lợi nhuận gộp	1.08	11.2	-90.3%	7.13	11.5	-37.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-37.6%
Chi phí TC	1.52	1.49	2.1%	3.14	2.98	5.2%
Chi phí lãi vay	1.52	1.49	2.1%	3.14	2.98	5.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.65	8.00	-91.9%	3.51	8.63	-59.3%
Chi phí QLDN	0.77	0.34	127%	1.59	0.94	69.9%
LN thuần từ HĐKD	-1.86	1.38	-234%	-1.11	-1.08	-2.9%
Lợi nhuận khác	0.16	0.03	417%	0.11	0.00	6179%
LN trước thuế	-1.70	1.41	-221%	-0.99	-1.08	8.0%
Lợi nhuận sau thuế	-1.70	1.41	-221%	-0.99	-1.08	8.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.70	1.41	-221%	-0.99	-1.08	8.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.75	0.35	-0.83	0	-3.19	-1.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.06	-0.01	-0.01	0	-0.05	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.60	0	1.00	0	3.51	0.73
Tiền đầu kỳ	0.73	0.52	0.86	0	1.00	1.27
Lưu chuyển tiền thuần	-0.21	0.34	0.16	0	0.27	-0.79
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.52	0.86	1.02	0	1.27	0.48

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	176	192	-8.5%
Tài sản ngắn hạn	150	164	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	0.48	1.00	-51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.8	26.0	-4.7%
Hàng tồn kho	125	137	-8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.02	49.9%
Tài sản dài hạn	25.6	27.9	-8.5%
Phải thu dài hạn	3.15	3.15	0.0%
Tài sản cố định	12.8	13.0	-1.5%
Bất động sản đầu tư	6.41	6.51	-1.5%
Tài sản dở dang	1.11	1.11	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.13	4.20	-49.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	147	162	-9.4%
Nợ ngắn hạn	147	162	-9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.2	44.9	9.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	21.9	4.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	29.1	30.1	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	29.1	30.1	-3.3%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

